

ĐÓNG GÓP CỦA LÊ THỌ XUÂN TRONG NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NAM BỘ TRIỀU NGUYỄN THẾ KỶ XIX

LƯU HỒNG SƠN*
MAI THỊ MỸ VỊ**

Lê Thọ Xuân (1904 - 1978) là nhà nghiên cứu tiêu biểu ở Nam Bộ về lịch sử triều Nguyễn. Bài viết nhằm tìm hiểu những đóng góp của ông trong nghiên cứu về lịch sử Nam Bộ triều Nguyễn trên ba phương diện: phương pháp, sử liệu và sử luận. Về phương pháp nghiên cứu, ông kết hợp giữa phương pháp sử học truyền thống và phương pháp thực chứng hiện đại, nghiên cứu lịch sử trên nền tảng địa lý và địa danh, kết hợp khảo cứu sử liệu với khảo sát thực địa, chuyên về nghiên cứu vi mô. Về sử liệu, ông sưu tầm, phát hiện, tái phát hiện nhiều tài liệu quan trọng, đồng thời phê phán, đính chính một số sử kiện đã bị sử dụng, diễn giải sai lạc, dẫn đến hiểu nhầm. Về sử luận, dựa trên cơ sở vững chắc về phương pháp và sử liệu, ông đã đưa ra những đánh giá, nhận định có sức thuyết phục cao, làm sáng tỏ nhiều vấn đề lịch sử và sử học Nam Bộ thế kỷ XIX.

Từ khóa: Lê Thọ Xuân, lịch sử Nam Bộ thế kỷ XIX, phương pháp, sử liệu, sử luận

Nhận bài ngày: 28/9/2020; *đưa vào biên tập:* 30/9/2020; *phản biện:* 3/10/2020; *duyet đăng:* 24/10/2020

1. DẪN NHẬP

Sự nghiệp sử học của Lê Thọ Xuân chia làm 3 giai đoạn khá rõ rệt: (1) Từ 1945 về trước, (2) 1945-1954, (3) sau 1954. Trong đó giai đoạn (1) và (3) chủ yếu là các nghiên cứu về thời Nguyễn

được công bố trên tạp chí *Tri Tân*, *Đại Việt tạp chí*, *Sử Địa*, *Đồng Nai văn tập*; còn giai đoạn (2) dành riêng cho lịch sử đương đại với các hoạt động báo chí đấu tranh giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước, đăng chủ yếu trên *Việt Báo*, *Sông Hương*. Bài viết tập trung bàn về những đóng góp trong nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn trên

* Bảo tàng tỉnh Gia Lai.

** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

ba phương diện: phương pháp, sử liệu và sử luận⁽¹⁾ của giai đoạn (1) và (3).

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ CỦA LÊ THỌ XUÂN

Khác biệt quan trọng giữa nghiên cứu lịch sử theo cách cũ và nghiên cứu lịch sử theo cách mới thể hiện rõ nhất ở phương pháp. Bởi phương pháp sẽ quyết định cách sưu tầm, phê bình sử liệu, đồng thời cũng quyết định cách đánh giá các vấn đề lịch sử của sử gia (sử luận). Ngay từ lúc sử học hiện đại ở Việt Nam hình thành, Vũ Ngọc Phan (1936: 2) đã đánh giá cao vai trò nền tảng của phương pháp: “Về sử học, nếu không biết phương pháp, không thể nào sưu tầm và cũng không thể nào phê bình được”.

Phương pháp sử học của Lê Thọ Xuân được thể hiện ở các khía cạnh:

Thứ nhất là kết hợp phương pháp nghiên cứu truyền thống với phương pháp nghiên cứu hiện đại.

Phương pháp truyền thống trong sử học Việt Nam là cách nghiên cứu lịch sử dựa trên việc sắp xếp các sử liệu theo biên niên, lấy sử học Trung Quốc làm khuôn mẫu và chú trọng vào các công trình vĩ mô do các sử quan thực hiện bằng văn tự chính thức là chữ Hán, phạm vi phổ biến hạn hẹp trong giới hoàng tộc, quan lại, trí thức. Phương pháp hiện đại trong sử học Việt Nam bắt đầu xuất hiện khi Việt Nam tiếp xúc với văn hóa phương Tây từ cuối thế kỷ XIX và đến đầu thế kỷ XX lan rộng thành một phong trào mang tính xã hội và

tạo nên những chuyển biến mang tính bước ngoặt trong nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam. Phương pháp mới giống phương pháp cũ ở chỗ cũng chú trọng tài liệu, nhưng chuyển hướng vào các nghiên cứu vi mô như các vấn đề cụ thể, lịch sử địa phương, tiểu sử nhân vật, một sự kiện nào đó và có tính liên ngành cao, các nghiên cứu này được thực hiện bởi các sử gia tự do, được phổ biến rộng rãi trên sách báo quốc ngữ.

Có thể chia phương pháp nghiên cứu lịch sử từ cổ xưa đến nay thành hai trường phái chính: *Phái trọng sử liệu* và *phái trọng sử luận*. Phái trọng sử liệu như chủ nghĩa thực chứng đề cao tính khách quan trong nghiên cứu lịch sử, nỗ lực đến mức cao nhất trong việc tìm kiếm sử liệu và bao quát tài liệu với tham vọng tái hiện diện mạo chân thực của sự thực, và như thế giúp cho những nhận định đánh giá của sử gia trở nên đáng tin cậy, có giá trị. Phái trọng sử luận cũng xuất phát từ cơ sở tôn trọng sử liệu, nhưng nghi ngờ tính khách quan và tính toàn diện của sử liệu, mà quan tâm nhiều hơn đến những đánh giá, nhận định của các sử gia, nhất là khi sử học phát triển đến giai đoạn bão hòa hay bình đẳng về tư liệu. Lúc này các sử gia cùng tiếp cận một khối sử liệu như nhau, vì vậy cái khác biệt cũng như giá trị trong nghiên cứu giữa các sử gia lúc này không phải là vấn đề sử liệu, mà là vấn đề sử luận.

Sử học Việt Nam lúc bấy giờ đang nỗ lực tìm kiếm, xây dựng cơ sở sử liệu,

vì thế các nghiên cứu của Lê Thọ Xuân chú trọng sử liệu theo khuynh hướng sử học thực chứng. Điều này cũng được các sử gia Việt Nam trước Lê Thọ Xuân và cùng thời với ông khẳng định. Như ý kiến của Trương Vĩnh Ký (1875: 2) trong lời nói đầu sách *Cours d'histoire annamite* (Bài giảng lịch sử An Nam): “Nói tắt một lời, ta muốn làm ích cho anh em, chớ chi ước làm vậy mà được như làm vậy... Đến sau, khi anh em học đã thành tài, biết bắt biết hạch được, thì xin hãy dong thứ cho kẻ lớp trước anh em, vì những kẻ ấy thuở trước chẳng có được những phương tiện mà học hành như anh em bây giờ”; hay ý kiến của Nguyễn Thiệu Lâu (1916-1967) trong bài viết *Muốn được một bộ sử đúng mà đọc* (báo *Thanh Nghị*, số 61/1941): “Viết bằng tiếng mẹ đẻ, kê cứu theo phương pháp khoa học”, “từ đầu thế kỷ 17 đến khi người Pháp sang Đông Dương, tôi chắc chắn là sử liệu của ta thiếu và sai nhiều lắm”, “sự khảo cứu sử học của ta, hiện giờ, còn đang ở thời kỳ tìm kiếm sử liệu: chỉ có thể kiến thiết khi đã đủ vật hạng, mà chỉ nên khảo cứu từng vấn đề một, từng thời đại một” và ông cho rằng ít nhất “năm bảy chục năm” sau “ta mới có thể biết sử ta một cách đầy đủ, khoa học”, “đường đi rất xa, phải nhiều người hăng hái, chịu khó mà theo. Không phải một đời người hay một nhóm người mà tới đích được, phải từng thế hệ nối nhau mà theo”. Lê Thọ Xuân trung thành với phương pháp thực chứng theo hướng cụ thể, chi tiết trong suốt sự nghiệp sử học

của mình. Đọc các bài khảo cứu của ông, dù viết về nhân vật, sự kiện hay địa danh, chúng ta đều có thể thấy rằng, ông đã kế thừa và kết hợp nhuần nhuyễn giữa cách nghiên cứu cũ theo phương Đông trọng tài liệu và cách nghiên cứu mới theo phương Tây trọng thực chứng. Trên cơ sở này, Lê Thọ Xuân đã nỗ lực để xây dựng một phương pháp hiện đại để tiếp cận, giải mã những vấn đề lịch sử Nam Bộ mà ông quan tâm.

Ở phương pháp, có thể thấy Lê Thọ Xuân chịu ảnh hưởng từ phương Tây (chủ yếu là Pháp), điều này thể hiện thông qua những tài liệu bằng tiếng Pháp mà Lê Thọ Xuân trích dẫn, tham khảo (xem cụ thể hơn ở phần sử liệu dưới đây). Tuy nhiên Lê Thọ Xuân cũng cho người đọc thấy rằng, ở ông không phải là sự đứt gãy với sử học truyền thống, mà vẫn có sự kết nối, kế thừa phát triển con đường sử học Nam Bộ từ Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Nguyễn Thông đến Trương Vĩnh Ký.

Thứ hai là chú ý kết hợp “sử ký” với “địa dư” tức là các ghi chép lịch sử với địa lý, địa danh học.

Mối quan hệ giữa sử với địa ở nước ta ít được chú ý, vì thế trong lời giới thiệu bản dịch bộ *Đại Nam nhất thống chí*, Thái Văn Kiểm từng nói: “Từ trước đến nay, người ta thường chú trọng đến sử học mà ít ai quan tâm đến địa lý học nhất là ở nước Việt Nam ta. Đó là một khuyết điểm lớn cần phải bổ túc vì xét ra sử học và địa học phải đi đôi với nhau như hình với

bóng”. Nhận định này được ông lý giải: “Nếu sử học chú trọng về thời gian tức là bề sâu thì địa học lại chú trọng về không gian tức là bề rộng” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1959: 1). Bởi lịch sử diễn ra đồng thời trong thời gian và không gian, vì vậy một sự kiện nào đó sẽ mất đi ý nghĩa nếu không được đặt vào một bối cảnh địa lý của nó. Vấn đề này được Nguyễn Thế Anh (1974: 70) nhấn mạnh: “Nếu niên đại là căn bản cốt yếu của sử học, thì các thực thể địa lý cũng cần thiết để tìm hiểu một cách cụ thể các dữ kiện lịch sử, để tìm hiểu phần ảnh hưởng của môi trường địa lý đối với sự diễn biến lịch sử. Vì vậy đối với bất cứ ai nghiên cứu lịch sử, cần phải xác định vị trí của các sự kiện, cần phải nhận diện các địa danh, và hơn nữa là cần phải quan sát tại chỗ cách trí [cách vật trí trí] của các biến cố và của các vết tích của quá khứ”.

Phương pháp kết hợp sử và địa được Lê Thọ Xuân sử dụng như một sở trường. Ông chuyên chú vào nghiên cứu lịch sử nhân vật và lịch sử địa danh, vì vậy việc am hiểu địa lý và địa danh học là điều bắt buộc. Ở phương diện này, Lê Thọ Xuân có điều kiện thuận lợi là ông ở Nam Bộ (Bến Tre, sau mới dời lên Sài Gòn), nhưng quan trọng hơn là, ông ý thức rất rõ về sự cần thiết của việc am tường địa lý, địa danh trong sự nghiệp nghiên cứu lịch sử của mình và đầu tư nhiều thời gian công sức vào con đường này. Để tiếp cận, tìm hiểu vấn đề tường tận, có ngọn ngành, Lê Thọ Xuân đã đến tận

những nơi liên quan đến vấn đề ông quan tâm để quan sát, phỏng vấn, ghi chép, thu thập thông tin, tài liệu. Sự khổ công của Lê Thọ Xuân trong các chuyến đi đã giúp ông sưu tầm được các sử liệu thiết yếu từ thực địa. Những hiểu biết sâu sắc cả về sử liệu văn bản và sử liệu thực địa trong sự đối chiếu so sánh đã giúp Lê Thọ Xuân phát hiện ra những nhầm lẫn, nghi vấn của các sử gia, nhà nghiên cứu khác, cũng như nhầm lẫn của dân gian trong một số sự kiện, nhân vật lịch sử quan trọng gắn với các địa danh cụ thể. Chẳng hạn: Tourane ở Sài Gòn, đồn Cá Trê - đồn Rạch Bàng, Long Xuyên - Cà Mau, Bà Rịa - Bà Lợi, miếu Ông Bàn Quỷ...

Phương pháp này của Lê Thọ Xuân xác định được lịch sử cũng như các tên gọi khác nhau của một địa danh, giúp người đọc hay người nghe tránh được những nhầm lẫn, đồng thời cũng cho thấy sự gắn kết khăng khít giữa nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử và địa danh. Nhắc đến địa danh “Bảo Định hà” (tên khác là Arroyo de la poste, Bình Trị giang) không thể không nhắc đến sự kiện Nguyễn Cửu Vân giúp Nặc Ông Yên đánh đuổi quân Xiêm; sự kiện Gia Long phái Nguyễn Văn Phong, Huỳnh Công Lý sửa con kênh trải dài từ Vàm Cỏ Tây đến Tiền Giang (Định Tường) (Lê Thọ Xuân, 1943a: 9-10); Hay nhắc đến địa danh “Long Xuyên” (tên gọi khác: Ba Rách, Tam Khê), “Cà Mau”, và mối liên hệ giữa Long Xuyên - Đông Xuyên - Cà Mau không thể không nhắc đến

công lao mở mang của Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Văn Thoại, không thể không nhắc đến sự kiện Nguyễn Phúc Thuần (1754-1777) bị quân Tây Sơn bắt giết và Nguyễn Ánh chạy thoát (Lê Thọ Xuân, 1943f: 11).

Thứ ba là tập trung vào các nghiên cứu hẹp, cụ thể, chi tiết.

Tập trung nghiên cứu chủ yếu ở vùng đất Nam Bộ trong thế kỷ XIX, Lê Thọ Xuân chuyên chú vào các nhân vật cụ thể như tiểu sử Trương Tấn Bửu, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Gia Định tam hùng (Đỗ Thanh Nhân, Châu Văn Tiếp, Võ Tánh), Trương Định... Di sản của Lê Thọ Xuân hầu hết là các bài viết ngắn được công bố trên các tờ tạp chí, tuần báo trên cả ba miền của đất nước⁽²⁾.

Thứ tư là có ý thức xây dựng mạng lưới liên kết hỗ trợ trong việc nghiên cứu.

Đầu thế kỷ XX, phong trào sử học lan rộng trong xã hội, nhiều người đề xuất thành lập một đoàn thể, hội nhóm hỗ trợ nhau trong việc nghiên cứu lịch sử dân tộc; Lê Thọ Xuân hưởng ứng ý kiến của Nguyễn Tường Phụng, Hoàng Thúc Trâm. Theo Lê Thọ Xuân, việc lập Hội Sử học cần phải: (1) “Noi gương người Pháp về cách tổ chức”, như cách mà người Pháp làm ở Trường Viễn Đông bác cổ tại Hà Nội, Hội Đô thành hiếu cổ tại Huế, Đông Dương nghiên cứu Hội (Société d’Etudes Indochinoise) tại Sài Gòn; (2) “Phải có một tờ báo làm cơ quan chung”; (3) Hội viên là “những người thích học Việt sử”, không nhất thiết

phải có bằng cấp chuyên môn (Lê Thọ Xuân, 1940: 1).

Đó là đề xuất, còn thực tế Lê Thọ Xuân đã tự thiết lập cho mình một mạng lưới quan hệ với nhiều học giả có tên tuổi trên khắp cả nước: miền Bắc có Trần Văn Giáp, Dương Tự Quán, Hoàng Thúc Trâm, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Tố, Ngô Văn Triện, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Phụng; miền Trung có Huỳnh Thúc Kháng, Đào Phan Duân; miền Nam có Ca Văn Thỉnh, Phạm Thiều, Khuông Việt, Trục Thần, Nguyễn Văn Hào, Thái Văn Kiểm... Riêng trong Nam, Lê Thọ Xuân còn là thành viên tích cực trong Ủy ban Văn học Phan Thanh Giản thuộc Hội Nam Kỳ Đức Trí Thể dục cùng với Nguyễn Văn Liễn, Phạm Thiều, Ca Văn Thỉnh, Khuông Việt, Thiếu Sơn, Ngô Quang Lý, Ung Ngọc Ky, Bùi Đức Tịnh (Bằng Giang, 1992: 6). Không chỉ cầu học ở các trí thức khoa bảng, Lê Thọ Xuân còn tìm tới học hỏi những người “quê mùa, không mấy ai nghe tên biết tiếng” nhưng có học vấn và hiểu biết như thầy lang trẻ Mười Tri (Cái Mít, Bến Tre), ông Năm Bảo (Nguyễn Đại Liêng, rạch Bà Đồ, Cần Thơ) (An Cư, 1966: 84) (Lê Thọ Xuân, 1968a: 46). Đối với những người ở gần thì Lê Thọ Xuân đạp xe đường bộ, thuê thuyền đường thủy tìm đến tận nơi hỏi; đối với những người ở xa thì ông viết thư nhờ giải đáp, tư vấn những vấn đề mình còn nghi hoặc, không hiểu về một vài chữ Nho, hay các thông tin liên quan đến tiểu sử nhân vật đang quan tâm.

Công bố kết quả nghiên cứu cũng là một hình thức mở rộng mối quan hệ trong việc nghiên cứu được Lê Thọ Xuân chú ý. Các bài viết sẽ tạo ra tiền đề cho những trao đổi, tranh luận rộng rãi, là cách hữu hiệu giúp nâng cao kiến thức. Phía bắc, Lê Thọ Xuân đăng trên các tờ: *Nam Phong, Tri Tân, Nước Nam, Văn Lang, Văn học*; phía nam ông đăng trên các tờ: *Đại Việt tạp chí, Nam Kỳ tuần báo, Đồng Nai tạp chí, Đồng Nai văn tập, Sử Địa*,... Chính trên các tờ báo này, Lê Thọ Xuân đã có dịp bày tỏ quan điểm của mình.

3. SƯU TẦM VÀ KHẢO CỨU SỬ LIỆU

Sử liệu là những tài liệu phục vụ cho sử gia, theo nghĩa rộng nó bao gồm tất cả những gì mà sử gia dùng để kê cứu khi biên soạn hay nghiên cứu về một vấn đề lịch sử nào đó. Vì vậy sử liệu được xem là nền tảng cơ bản trong việc biên soạn cũng như đánh giá về các vấn đề lịch sử.

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của sử liệu, Lê Thọ Xuân đã dành nhiều thời gian và công sức cho việc sưu tầm, dịch thuật, hiệu đính, giới thiệu và phê bình sử liệu, từ sử liệu thành văn như thư tịch và sử liệu truyền miệng như các truyền thuyết giai thoại trong dân gian.

Về sử liệu cổ như thư tịch Hán Nôm, Lê Thọ Xuân đã sưu tầm được nhiều tài liệu, trong đó có những bộ sách đồ sộ như *Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện, Đại Nam nhất thống chí, Gia Định thành thông chí*... dù đương thời việc tiếp

cận, sở hữu các tài liệu này không dễ dàng và “mắc mớ” (Lê Thọ Xuân, 1968a: 55)⁽³⁾. Đối với người nghiên cứu cổ sử, tra cứu là việc làm thường xuyên, nhưng do cách biên soạn sử sách theo kiểu cũ còn nhiều khiếm khuyết bất tiện “không sắp thế nào cho gọn, cho dễ tìm” khiến người nghiên cứu mất nhiều công sức thời gian vào việc này, nên Lê Thọ Xuân đã soạn “bản sách dẫn” bộ *Đại Nam liệt truyện* đăng trên tạp chí *Tri Tân* nhiều kỳ, trong đó kỳ đầu tiên được ông dành trọn vẹn cho việc giới thiệu tổng quát về bộ sử này.

Đối với các nhân vật có sáng tác văn chương, thì tác phẩm thơ ca cũng được Lê Thọ Xuân xem là một sử liệu quan trọng giúp soi sáng tiểu sử của nhân vật. Trong bài *Đôi chuyện về Phan Thanh Giản*, ông đã cung cấp cho người đọc những thông tin chi tiết cụ thể về tập thơ *Kim đài thảo* của Phan Thanh Giản, mà bấy giờ còn nhiều người chưa biết, chưa rõ (Lê Thọ Xuân, 1941a: 7-8, 14). Ở bài *Lại một bài thơ của Đồ Chiểu*, Lê Thọ Xuân dựa trên tài liệu xác thực đã quả quyết rằng Nguyễn Đình Chiểu chính là tác giả bài thơ *Xe ngựa lao xao giữa cõi trần* chứ không phải ai khác (Lê Thọ Xuân, 1944: 21).

Bên cạnh sử liệu Hán Nôm, Lê Thọ Xuân còn sưu tầm các sử liệu Pháp văn, tức các công trình nghiên cứu của người Pháp về lịch sử Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Chẳng hạn: *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine* (bản dịch tiếng

Pháp tác phẩm *Gia Định thành thông chí* của G. Aubaret, *Histoire de la Cochinchine française des origines à 1883* (Lịch sử Nam Kỳ thuộc Pháp từ nguồn gốc đến năm 1883) của P. Cultru, *Abrégé de l'Histoire d'Annam* (Khái lược lịch sử An Nam) của A. Schreiner, *Éléments d'une monographie des anciennes fortifications et citadelles de Saigon* (Các chuyên luận về thành cổ và công sự phòng thủ ở Sài Gòn) của L. Malleret, *Documents pour servir à l'histoire de Saigon* (Tài liệu phục vụ cho việc tìm hiểu lịch sử Sài Gòn) của J. Bouchot, *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine* (Hồi ký 11 tháng ở Nam Kỳ) của Lucien de Grammont, Tập san *Excursions et Reconnaissances* (Du ngoạn và thám sát), các tập địa phương chí ở Việt Nam (trong đó có Nam Bộ) do người Pháp thực hiện và in bằng tiếng Pháp đầu thế kỷ XX.

Sử liệu của Lê Thọ Xuân cũng không chỉ đóng khung trong phạm vi chính sử hay các văn bản đã thành văn, mà còn bao gồm các câu chuyện, truyền thuyết, giai thoại dân gian. Với Lê Thọ Xuân, đây cũng là một nguồn sử liệu có giá trị tham khảo ý nghĩa, hỗ trợ bổ sung cho các sử liệu thành văn. Ví dụ các giai thoại liên quan đến “Già Ba Tri”, “miếu Ông Bàn Quỷ”.

Trong quá trình sưu tầm sử liệu, Lê Thọ Xuân phát hiện một số sử liệu đã được sao chép, sử dụng lại, bằng khảo chứng, ông cho rằng đó là do bị hiểu không đúng mà ra. Như câu đối “kể công nghiệp” đặt trước cửa chính

đền thờ Nguyễn Trung Trực: “Hỏa **phần** Nhựt Tảo **kinh** thiên địa; Kiếm **phật** Kiên Giang **khốc** quỷ thần”, theo Lê Thọ Xuân là không chuẩn, vì viết vậy thành ra Nguyễn Trung Trực đốt Nhật Tảo và chinh phạt Rạch Giá, thực ra câu đối này là bản chép sai câu đối của “một danh nho, một thi bá của miền Nam nước Việt” Huỳnh Mẫn Đạt, nguyên văn: “Hỏa **hồng** Nhựt Tảo **oanh** thiên địa; Kiếm **bạt** Kiên Giang **kháp** quỷ thần” (Nhựt Tảo lửa hùng, trời long đất lở; Kiên Giang gươm tuốt, quỷ khốc thần sầu) (Lê Thọ Xuân, 1968b: 51). Câu đối được viết, khắc và treo ở đền thờ của các danh nhân không chỉ là những lời tri ân công đức, mà còn là những sử liệu cho những thế hệ kế tiếp tìm hiểu, nghiên cứu về tiền nhân. Những sai sót thể hiện trên văn tự này, có thể xuất phát từ những người chép sai, tam sao thất bản, dẫn đến hiểu sai, viết sai và truyền sai.

Trong việc biên soạn sử sách, nhà Nguyễn thời Minh Mạng có chủ trương đổi “tên người, tên núi, tên xứ, tên sông... bằng chữ Nôm ra chữ Hán” để dễ viết hơn, nghe hay hơn. Lê Thọ Xuân gọi đó là “nạn búng gốc” và “nạn nên thơ”, bởi nó khiến cho ngay cả những sử gia tại địa phương cũng gặp nhiều khó khăn, nhầm lẫn trong việc khảo cứu (Lê Thọ Xuân, 1967b: 111-112).

Việc dịch thuật các sách sử Việt Nam thường dẫn đến nhiều sai sót khiến cho “những ai muốn học hỏi sử địa nước nhà đến vực [chỗ] lầm lẫn quan

trọng” nếu không được đính chính kịp thời và đúng đắn. Với sách chữ Nho được dịch ra Pháp văn, Lê Thọ Xuân đã chỉ ra nhiều lỗi dịch sai nghiêm trọng của Aubaret trong sách *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine* (bản dịch sách *Gia Định thành thông chí* nguyên tác Hán văn) đã dịch sai nhiều chỗ như sau: Nước Lục Chân Lạp xưa (cổ Lục Chân Lạp) thì bị dịch thành “appelé Co Luc et Chan Lap” (gọi là Cổ Lục và Chân Lạp), “Từ Giao Châu vượt biển trải qua các nước Xích Thổ, Đan Đan” bị dịch thành “depuis le port de Giao Chi jusqu’à Xich Tho, Terre Rouge” (từ cửa biển Giao Chi đến Đất Đỏ), tên sách *Tân Đường thư* đáng lẽ dịch là “le Nouveau Duong thu” thì bị dịch thành “le livre Tan duong” “khiến người ta có thể ngỡ là Truyện Tàn Đường”; ngoài ra nhiều chỗ còn bị Aubaret dịch và diễn giải “tréo cẳng ngỗng” so với nguyên tác của Trịnh Hoài Đức, như đoạn viết về địa danh Bà Lợi - Bà Rịa, đoạn viết về phong tục của dân Bà Lợi (Lê Thọ Xuân, 1969: 155). Về sách chữ Nho được dịch ra quốc ngữ Lê Thọ Xuân cũng chỉ ra nhiều chỗ dịch giả sai lầm và hiệu đính lại cho mọi người biết rộng rãi thông qua các bài viết đăng trên báo chí. Chẳng hạn, trong bản dịch *Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt*, ông đã viết một bài dài, đăng làm 2 kỳ in trên *Đồng Nai văn tập*, chỉ ra nhiều lỗi sai về chữ dùng, chú thích, phiên âm, dịch nghĩa, do người dịch và nhóm hiệu đính không hiểu rõ ngôn ngữ, địa

danh Nam Bộ. Ví dụ: Đà - rạch, ngòi - rạch, lạch - rạch, nhai - đường/lộ/nẻo/ngõ, ốc tai voi - ốc tai tượng, Lãi ky (ghềnh Rái), Lộc Dã (Đồng Nai), Thuyền Úc (Vũng Tàu), Lâm Dao - Lâm Thao, Bân Xế - Mân Thít, chợ Dung - chợ Cây Da, Ba Khâm - Ba Cùm, Phiếu Giang - Lật Giang/Bến Lút, Vàm Thuận/Thuận Tấn - Vàm Nao... (Lê Thọ Xuân, 1967a: 84-93).

Tuy nhiên, phần nhiều các sử liệu mà Lê Thọ Xuân khổ công sưu tầm, tích lũy “trong ngót mười năm trời” đã bị cháy, thất lạc trong những năm chiến tranh (Lê Thọ Xuân, 1966: 81). Mất mát này không chỉ với Lê Thọ Xuân, bởi trong số đó, có những tài liệu đến nay chưa ai tìm được, tạo nên các tranh luận, nghi vấn và khoảng trống trong việc nghiên cứu. Ví dụ tập *Minh bệ di thư* liên quan đến lịch sử và văn học Nam Bộ thời kỳ đầu mà Lê Thọ Xuân từng sưu tầm.

4. PHONG CÁCH SỬ LUẬN

Sử luận là các nhận xét, bình luận, đánh giá những vấn đề thuộc về lịch sử, thường được các sử gia rút ra sau khi khảo cứu sử liệu theo phương pháp tiếp cận nào đó. Do vậy, mức độ khách quan hay chủ quan của sử gia cũng thường thể hiện một cách rõ rệt trên phương diện sử luận. Nếu cùng một sử liệu, cùng một phương pháp, thì phần sử luận sẽ xác định đóng góp của các sử gia.

Đọc Lê Thọ Xuân, người ta sẽ dễ nhận thấy ở ông lòng say mê và tâm huyết với lịch sử. Đây là điều kiện

quan trọng để ông kiên trì theo đuổi công việc gian nan: tìm về quá khứ và hiểu quá khứ cũng như đánh giá về các nhân vật, sự kiện đã qua. Tuy vậy, vì theo đuổi phương pháp thực chứng, chú trọng tài liệu, bằng chứng, nguồn tư liệu cụ thể, nên trong nhận xét, đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử cũng như trong đánh giá nghiên cứu của những người khác, Lê Thọ Xuân không hùng biện, suy diễn, phiếm luận hay triết lý mơ hồ, mà rất thận trọng, kiệm lời, rõ ràng. Phần sử luận của Lê Thọ Xuân thể hiện trên hai góc độ.

Thứ nhất là nhận xét của Lê Thọ Xuân đối với các sự kiện, nhân vật, vấn đề lịch sử ông đặt ra. Ví dụ nói về cái chết của danh tướng Đỗ Thanh Nhân: “Phượng quận công Đỗ Thanh Nhân phải bị đòi vào cung rồi chịu cho bao nhiêu gươm đao vô tình của bọn võ sĩ sả tan bầm nhò!” (Lê Thọ Xuân, 1943c: 3), “Mồ mả của Nhân xiêu lạc về đâu có ai còn được biết! Cái được biết chẳng chỉ là chút ít về tiểu sử của Nhân: Sự nghiệp anh hùng có thể thôi” (Lê Thọ Xuân, 1943b: 17). Nói về cái chết của Võ Tánh: “Vị anh hùng minh đạt hơn người, trí dũng xuất chúng, họ Võ tên Tánh, con ruột của xứ Đồng Nai” (Lê Thọ Xuân, 1943d: 7) và cảnh Võ Tánh tự thiêu trên lầu bát giác: “Đương hút thuốc, Hậu quân Võ Tánh ném tàn xuống đồng củi khô. Hỏa được phát mạnh, củi khô bắt theo, lửa phừng phừng cháy lên để thành hai câu: ‘Bát giác hỏa đồng tâm cộng xích, Thiên thu danh dữ nhật tranh hồng’⁽⁴⁾, hay để cho người sau, mỗi

khi qua cảnh hoang phế của thành Đồ Bàn vắng vắng nghe không biết từ đâu đưa lại tiếng ai ngâm: ‘Trông lên hồn tháp Cánh Tiên, Cảm ơn quan Hậu thủ thiềng ba năm!’” (Lê Thọ Xuân, 1943e: 5). Hay ông đã mượn hình ảnh ngọn lửa và tiếng kêu của dân chúng để nói về cái chết của Nguyễn Đình Chiểu trước cảnh nước mất nhà tan: “Rồi, một hôm về mùa thu năm Mậu Tý (1888), tại Ba Tri bỗng có tiếng la ‘Lửa! Lửa!’ ! Thôn dân, cây, dây, gàu, đuốc những đồ bỏ sẵn để khi nghe mõ thì vác chạy cho mau, đổ xô về phía xảy ra hỏa hoạn. Ai nấy đều đứng quanh cái nhà lá cũ đương cháy rực trời mà than dài mà chất lười. Người người bảo chuyện nhau: ‘Lửa cháy tiêu nhà ông Đồ! Tội nghiệp quá! Tội nghiệp quá!’ Mà ông Đồ có còn đâu lúc ấy” (Lê Thọ Xuân, 2019b: 151). Hoặc nói về “Quan lớn Cái Da” Trương Tấn Bửu, nhiều công lao mà ít người biết: “Vốn đồng thời cùng Tả quân Quận công Lê Văn Duyệt, Long Vân hầu cũng như Lê Tổng trấn là dày gian lao với ngôi nhà Nguyễn, dày công đức với đất Đồng Nai. Vốn đồng quận cùng Hiệp biện Đại học sĩ Phan Lương Khê, Long Vân hầu cũng như Phan Kinh lược làm quan đến hạng nhứt phẩm, cai trị cả xứ Nam Kỳ mà vẫn trì thân thanh bạch, lại thêm quảng đại từ hòa, khiến ai ai cũng kính phục mà không sợ sệt, cũng mến yêu mà không khinh lờn. Vậy, mỗi khi nhắc đến Chánh tướng Duyệt, ta sao khỏi nhắc đến Phó tướng Luông, mỗi khi nhắc đến ‘Quan lớn Bảo Thạnh’

Kinh lược sử Phan Lương Khê, ta sao khỏi nhắc đến ‘Quan lớn Cái Da’ Long Vân hầu Trương Tấn Bửu” (Lê Thọ Xuân, 1959: 31).

Những đoạn văn vừa dẫn đã biểu lộ tình cảm của Lê Thọ Xuân trong việc nghiên cứu nhân vật lịch sử. Ở đây dù ông dùng nhiều câu cảm thán và giàu chất văn chất thơ, nhưng chúng ta cũng thấy, tình cảm ấy được tiết chế một cách chừng mực, từ ngữ mang cảm xúc nhưng không bộc lộ thiên kiến chủ quan phi thực chứng. Vì vậy, tuy Lê Thọ Xuân thể hiện thái độ buồn ngùi đối với cái chết của Đỗ Thanh Nhân, thể hiện thái độ cảm phục cái chết của Võ Tánh, thể hiện thái độ đau thương đối với cái chết của Nguyễn Đình Chiểu, thể hiện thái độ xót xa đối với Trương Tấn Bửu vì bị hậu thế lãng quên, nhưng những tình cảm riêng tư này của sử gia cũng không khiến người đọc cảm thấy bị dẫn dắt hay định hướng, không làm mất tính khách quan của vấn đề mà Lê Thọ Xuân đã nỗ lực hướng đến thông qua những sử liệu mà ông đã dày công tìm kiếm, trình bày, phê bình bằng những cách thức, phương pháp mà ông cho là thích hợp nhất dành cho đối tượng nghiên cứu của mình.

Lê Thọ Xuân xác định quan điểm “không tiểu thuyết hóa”, “không thần thánh hóa” các nhân vật lịch sử. Vì vậy, tuy đôi khi người đọc thấy ông thể hiện tình cảm trên bài viết, song những đánh giá của ông đều thể hiện thái độ thận trọng và công bằng với các danh nhân thời Nguyễn⁽⁵⁾.

Tất cả những điều trên tạo nên đặc điểm thứ nhất trong phong cách sử luận của Lê Thọ Xuân.

Thứ hai là đánh giá của Lê Thọ Xuân đối với các nghiên cứu lịch sử của người khác. Các đánh giá này có khi từ tốn, nhã nhặn, như khi đọc một số phần trong bản dịch bộ *Đại Nam nhất thống chí – Lục tỉnh Nam Việt* do những người khoa bảng tên tuổi dịch và hiệu đính, Lê Thọ Xuân đã viết “vài cảm tưởng”, viết xong ông lại gởi đến ba người bạn thân “nhờ xem lại giùm cho thật kỹ, nếu thấy chỗ nào có vẻ vạch lá tìm sâu hay khoe khoang phách lối thì thẳng thắn chỉ bảo hoặc tự tiện sửa chữa” (Lê Thọ Xuân, 1967a: 82). Trước khi đi vào bàn bạc chi tiết về “chữ dùng”, “phiên âm” và “dịch nghĩa” của bản dịch, Lê Thọ Xuân rào đón trước bằng những lời khiêm tốn: “Rồi, thúc đẩy bởi duyên văn tự, thúc đẩy bởi lòng cầu học, tôi thấy không được không chép ra vài cảm tưởng của một độc giả quý mến địa dư nước nhà, chớ không phải viết một bài phê bình và nhứt là không chút nào cố ý vạch lá tìm sâu. Và, như vậy, tôi cũng đã mạo muội làm một việc ‘múa riu qua mắt thợ’” (Lê Thọ Xuân, 1967a: 83-84).

Cũng có khi đánh giá của Lê Thọ Xuân thẳng thắn gay gắt, vì tinh thần khoa học, không ngại đụng chạm đến những người có danh vọng đương thời như Ngô Tất Tố, Dương Quảng Hàm, Dương Bá Trạc, Phan Khôi, Vũ Ngọc Phan,... Ví dụ trong bài “Nói chuyện văn với *Tạp chí Văn học*”, Lê

Thọ Xuân đã thẳng thắn chỉ ra nhiều sai sót nghiêm trọng khi bình giải về bài thơ *Vịnh Quan đế* của Nguyễn Đình Chiểu của một tác giả không thông hiểu ngôn ngữ Nam Bộ và điển tích, sử sách cổ. Ông đã phải kêu lên: “Trời ôi! Cụ Đồ nghe đến lời chú thích này ở dưới mỗ cũng rán ngóc lên mà cãi: ‘Thưa quý ngài, cuốn kinh bát loạn của tôi với cuốn của ngài nó khác nhau xa miệt mù. Tôi muốn nói Quan Võ thường suốt đêm cầm cuốn *Kinh Xuân Thu* mà đọc, tay không thấy mỗ. Tôi nói Quan Võ còn học, chớ không phải Quan Võ ‘làm thầy’. Ông Mao Tôn Cương cũng có nói: ‘Quan Công mười phần học vấn, mười phần kiến thức là nhờ học *Kinh Xuân Thu* kỹ lắm’” (Lê Thọ Xuân, 1932: 25). Kết thúc bài viết, Lê Thọ Xuân bày tỏ thái độ bức xúc về thái độ sơ suất trong khâu biên tập, kiểm duyệt bài vở của tác giả lẫn chủ bút *Tạp chí Văn học*: “Tôi không ngờ, thật tôi không ngờ đâu những tay ‘cừ’ thơ như ông Cử Tuyết Huy, ông tác giả quyền *Quốc văn trích điểm* lại để cho *Văn học tạp chí* ‘bướm’ đến đường ấy. Tốt hơn là các ngài cứ chép đủ tám câu, để mặc độc giả hiểu sao thì hiểu, kéo: người xưa đau lòng, người nay điên đầu” (Lê Thọ Xuân, 1932: 25).

Cũng không ít khi Lê Thọ Xuân đánh giá người khác bằng ngôn ngữ hài hước hóm hỉnh. Ví dụ bài *Đôi chuyện vui vui trong việc học sử địa nước nhà* viết về chuyện tác giả sách *Cuộc đời oanh liệt của Lê Văn Duyệt* có nhiều chi tiết kỳ lạ đáng buồn cười như “Hoa

ngoại”, “dị tật gia truyền”, do chỗ soạn giả viết “không phải vì lịch sử nước nhà cũng không phải vì Lê Tả quân, mà vì muốn suy tôn Ngô Tổng thống” (Lê Thọ Xuân, 1968a: 46); hay chuyện Đặng Thúc Liêng suy luận cho rằng Nguyễn Đình Chiểu chính là Duy Minh Thị (Lê Thọ Xuân, 1968a: 56).

Dù theo cách nào, các đánh giá, nhận xét của Lê Thọ Xuân vẫn luôn dựa vào những tài liệu, bằng chứng, luận điểm vững chắc, rõ ràng. Vì vậy những gì ông nói và viết ra đều có sức thuyết phục và tính khả tín cao đối với người đọc.

5. KẾT LUẬN

Với hơn 40 năm miệt mài, bằng một phương pháp khoa học, một tinh thần say mê, một thái độ cầu thị không ngừng học hỏi, nỗ lực tìm tòi không mệt mỏi gắn bó với lịch sử Nam Bộ, Lê Thọ Xuân đã cho ra đời hàng chục bài khảo cứu tâm huyết, công phu không những có giá trị ở đương thời mà ngày nay đọc lại chúng ta vẫn thấy ý nghĩa trên nhiều mặt. Lê Thọ Xuân không có những công trình đồ sộ, các bài khảo cứu của ông chỉ tập trung vào một sự kiện, nhân vật cụ thể nhưng sâu sắc và toàn diện trong phạm vi của nó. Đọc các nghiên cứu của Lê Thọ Xuân, chúng ta cũng thấy ông cố gắng đưa sử học đến gần đại chúng, bằng cách sắp xếp, bằng ngôn ngữ có tính văn chương, dẫn dắt các vấn đề, câu chuyện, nhân vật, sự kiện sao cho thật dễ hiểu, thật ấn tượng, không rơi vào khô khan nhàm chán, nhưng vẫn đảm bảo tính khách quan,

sự thật lịch sử. Những vấn đề Lê Thọ Xuân đã giải quyết, đã tìm hỏi, đã đặt ra liên quan đến đất và người Nam Bộ hiện vẫn đang được nhiều người đi sau kế thừa, tiếp nối, nhất là ở cách tiếp cận, giải mã lịch sử kết hợp với địa lý học, địa danh học trong nghiên cứu lịch sử Nam Bộ.

Với những đóng góp đáng kể của Lê Thọ Xuân cần thiết có sự tổng kết, đánh giá những cống hiến của ông đối với sử học Nam Bộ nói riêng và sử học Việt Nam nói chung. Bài viết này của chúng tôi góp phần gợi mở những nghiên cứu tiếp theo về Lê Thọ Xuân trong nghiên cứu lịch sử Nam Bộ. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Về tiểu sử và đóng góp của Lê Thọ Xuân đối với văn học, báo chí, xin xem bài *Đóng góp của Lê Thọ Xuân trong nghiên cứu văn học và hoạt động báo chí trước năm 1954* của Lưu Hồng Sơn (*Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 3/2016).

⁽²⁾ Quyển *Phan-Thanh-Gian, 1796-1867, et sa famille d'après quelques documents annamites* (Phan Thanh Giản, 1796-1867, và gia đình ông qua một số tài liệu An Nam) viết bằng tiếng Pháp, soạn chung với Pierre Daudin, là những tư liệu và gia phả quý giá của Phan Thanh Giản và dòng họ Phan mà ông có công sao chép và gìn giữ, in trong *Tập san Hội Nghiên cứu Đông Dương*, bộ mới, tập XVII, số 2, do nhà in Imprimerie de l'Union của ông Nguyễn Văn Của (Sài Gòn) ấn hành năm 1941, tổng cộng 153 trang. Quyển *Tiểu sử Long Vân hầu Trương Tấn Bửu* là một tập sách, 31 trang in khổ nhỏ, nguyên đã in lần thứ nhất trong tập kỷ yếu của Hội Khuyến học Nam Kỳ năm 1942, in lần thứ hai năm 1943 trong quyển *Nam Kỳ danh nhân* do Đào Văn Hội chủ biên, sau được tái bản vào năm 1949, cuối cùng được tách ra, bổ sung và cho in riêng thành một tập (nhà in An Ninh, Sài Gòn) năm 1959.

⁽³⁾ Nói về việc khó khăn trong việc tiếp cận với bộ *Đại Nam thực lục*, Lê Thọ Xuân cho biết: “Hồi trước, có lẽ ở nước ta có hai chỗ có trọn bộ *Thực lục* lớn lao này: Trường Bác cổ Viễn Đông ở Hà Nội và Quốc sử quán ở Huế. Nghe nói muốn kê cứu tài liệu trong bộ sách này ở Huế thì cả một vấn đề: phải làm đơn xin phép Cụ lớn Học bộ Thượng thư, phải ghi rõ là muốn xem đoạn nào, kỷ nào; được phép thì đem trình các quan lớn ở Quốc sử quán. Vì là sách công việc của tiên tổ nhà vua, phải kính cẩn nghiêm túc, nên bộ sách cao quý này được để trong tủ riêng có niêm phong đằng hoàng. Viên quan ở Quốc sử quán mở tủ lấy những quyển nào có ghi trong giấy phép và cho người được phép đọc tại chỗ”. Ông cũng cho biết thông tin sở hữu bộ sử lớn này: “Về sau nhờ anh Đào Duy Anh ‘thương thuyết’, tôi có được trọn bộ mới tinh, và trọn bộ này đựng đầy một rương xe. Trọn bộ đã bị thiêu hủy lúc quân đội Pháp tái chiếm Bến Tre năm 1946. Hiện nay, Viện Khảo cổ và Thư viện Quốc gia đều có *Đại Nam thực lục* này nhưng không đầy đủ” (Lê Thọ Xuân, 1968a: 53).

⁽⁴⁾ Hai câu thơ tả về cái chết bi hùng của Võ Tánh này thuộc bài thơ vô đề của Trịnh Hoài Đức trong *Cán Trai thi tập*. Nghĩa là: Trên lầu bát giác lửa và tâm cùng đỏ, Sau nghìn năm danh tiếng của ông tranh sáng với mặt trời.

⁽⁵⁾ Dù chuyên tâm vào nghiên cứu các nhân vật lịch sử thời Nguyễn, nhưng đối với anh em nhà Tây Sơn, Lê Thọ Xuân vẫn thể hiện lòng ngưỡng mộ, không phê phán phỉ báng. Thái độ này của ông thể hiện rõ trong đoạn giới thiệu về *Gia Định tam hùng*: “Trong hàng trăm

ngàn đại tướng của Nguyễn Ánh có biết bao bậc kỳ tài như Lê Văn Duyệt, dũng cảm như Nguyễn Huỳnh Đức, văn võ kiêm bị như Nguyễn Văn Thành, nhưng cầm binh hay, đánh giặc giỏi, bọn hậu sanh như chúng ta cũng có thể biết chắc là chỉ có Đỗ Thanh Nhân, Châu Văn Tiếp và Võ Tánh. Biết chắc vậy là vì ta thấy hoặc được núp bóng cờ hoặc nhờ nương oai võ của vị bách chiến bách thắng Nguyễn Huệ, trở roi ra hai mươi vạn binh Tàu không đất chôn thân, trở thuyền vào hai chục ngàn binh Xiêm chẳng còn manh giáp, quân Tây Sơn dừng mảnh đường nào mà hầy còn kiêng sợ họ Đỗ, họ Châu, họ Võ và dùng bốn chữ 'Gia Định tam hùng' để gọi họ. 'Gia Định tam hùng' là ba người hùng dũng của đất Đồng Nai hay ta cứ gọi nôm là 'ba con cọp gấm' của đạo binh Bến Nghé" (Lê Thọ Xuân, 2019a: 41).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. An Cư. 1966. "Hơn một giờ với ông Lê Thọ Xuân". *Đồng Nai văn tập*, số 7.
2. Bằng Giang. 1992. *Văn học Quốc ngữ ở Nam Kỳ (1865 - 1930)*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
3. Lê Thọ Xuân. 1932. "Nói chuyện văn với Tạp chí Văn học". *Đồng Nai tạp chí*, số 14.
4. Lê Thọ Xuân. 1940. "Hưởng ứng việc lập đoàn nghiên cứu Việt sử". *Báo Nước Nam*, số 71.
5. Lê Thọ Xuân. 1941a. "Đôi chuyện về Phan Thanh Giản". *Tạp chí Tri Tân*, số 4.
6. Lê Thọ Xuân. 1941b. "Miếu thờ Mai Công Hương với một chữ làm của cụ Phan Thanh Giản". *Tạp chí Tri Tân*, số 26.
7. Lê Thọ Xuân. 1943a. "Bảo Định hà". *Đại Việt tạp chí*, số 9.
8. Lê Thọ Xuân. 1943b. "Gia Định tam hùng: Châu Văn Tiếp". *Đại Việt tạp chí*, số 14.
9. Lê Thọ Xuân. 1943c. "Gia Định tam hùng: Đỗ Thanh Nhân". *Đại Việt tạp chí*, số 11.
10. Lê Thọ Xuân. 1943d. "Gia Định tam hùng: Võ Tánh". *Đại Việt tạp chí*, số 17.
11. Lê Thọ Xuân. 1943e. "Gia Định tam hùng: Võ Tánh". *Đại Việt tạp chí*, số 18.
12. Lê Thọ Xuân. 1943f. "Long Xuyên, Đông Xuyên, Cà Mau". *Đại Việt tạp chí*, số 19.
13. Lê Thọ Xuân. 1944. "Lại một bài thơ của Đồ Chiểu". *Tạp chí Tri Tân*, số 142.
14. Lê Thọ Xuân. 1959. *Tiểu sử Long Vân hầu Trương Tấn Bửu*. Sài Gòn: An Ninh xuất bản.
15. Lê Thọ Xuân. 1966. "Vài giai thoại có dính líu tới cụ lãnh binh Trương Định". *Tạp chí Sử Địa*, số 3.
16. Lê Thọ Xuân. 1967a. "Vài cảm tưởng sau khi đọc sách *Đại Nam nhất thống chí*: Lục tỉnh Nam Việt". *Đồng Nai văn tập*, số 12.
17. Lê Thọ Xuân. 1967b. "Đôi chuyện vui trong việc học sử địa nước nhà". *Đồng Nai văn tập*, số 13.
18. Lê Thọ Xuân. 1968a. "Đôi chuyện vui trong việc học sử địa nước nhà". *Đồng Nai văn tập*, số 15.
19. Lê Thọ Xuân. 1968b. "Xin cung hiến một ít tài liệu về cụ Nguyễn Trung Trực". *Tạp chí Sử Địa*, số 12.
20. Lê Thọ Xuân. 1969. "Sau ngót 150 năm thử giải điểm thắc mắc của An Toàn hầu Trịnh Hoài Đức về sử địa nước nhà". *Sử Địa*, số 14-15.

21. Lê Thọ Xuân. 2019a. “Gia Định tam hùng. In lại trong *Nam Kỳ khảo lược*, tập 1: *Đại Việt tập chí* (Trần Thành Trung sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu). Huế: Nxb. Thuận Hóa.
22. Lê Thọ Xuân. 2019b. *Tiểu sử cụ Nguyễn Đình Chiểu*. In lại trong *Nam Kỳ khảo lược*, tập 2: *Nam Kỳ tuần báo* (Trần Thành Trung sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu). Huế: Nxb. Thuận Hóa.
23. Lưu Hồng Sơn. 2016. “Đóng góp của Lê Thọ Xuân trong nghiên cứu văn học và hoạt động báo chí trước năm 1954”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 3.
24. Nguyễn Thế Anh. 1974. *Nhập môn phương pháp Sử học* (tài liệu học tập về các kỹ thuật của sự nghiên cứu sử dành cho sinh viên Ban Sử học, Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn). Sài Gòn.
25. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1959. *Đại Nam nhất thống chí – Lục tỉnh Nam Việt*, tập Thượng (người dịch: Tu Trai Nguyễn Tạo; Thái Văn Kiểm giới thiệu). Sài Gòn: Nha Văn hóa Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn.
26. Thọ Xuân Lê Văn Phúc. 1942. “Bản sách dẫn về *Đại Nam liệt truyện*”. *Tạp chí Tri Tân*, số 57.
27. Vũ Ngọc Phan. 1936. “Về Sử học, muốn gần sự thật cần phải theo một phương pháp”. *Báo Sông Hương*, số 2.